TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

án số: 311/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 25-11-2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Bà Trần Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh An, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, của Toà án nhân dân huyện G, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Bé D, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Lê Quốc T, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị D và anh T có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời trình bày tại tòa nguyên đơn chị Trần Thị Bé D trình bày:*

Chị và anh Lê Quốc T sống chung vào năm 2018, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc và mâu thuẫn mỗi ngày trầm trọng

hơn không thể hàn gắn được, do khoảng 02 năm nay thì vợ chồng không sống chung mà mỗi người sống một nơi chỉ từ khi chị nộp đơn ly hôn anh T mới về sống chung nhà với chị nhưng việc ai người nấy làm cũng không hàn gắn tình cảm được. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn lại được.

Về quan hệ tình cảm: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Quốc T.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Hoàng Tuấn K, sinh ngày 22/9/2020, hiện con đang sống với chị và anh T. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Tại phiên tòa anh Lê Quốc T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian, địa điểm kết hôn, về quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế do công việc của anh không được thuận lợi nên vợ chồng mỗi người sống một nơi hơn 01 năm, hiện nay công việc cũng ổn định hơn nên anh sẽ cố gắng chăm lo gia đình nhiều hơn, hiện tại anh đã về nhà vợ sống ,anh sẽ cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nay anh còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ lại.

Về tình cảm: Anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Bé D.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Hoàng Tuấn K, sinh ngày 22/9/2020, hiện con đang sống với anh và chị D. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé D về yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Bé D yêu cầu ly hôn với anh Lê Quốc T yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về tình cảm: Chị Trần Thị Bé D và anh Lê Quốc T sống chung năm 2018, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D xin ly hôn với anh T với lý do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc và mâu thuẫn mỗi ngày trầm trọng hơn không thể hàn gắn được, do khoảng 02 năm nay thì vợ chồng không sống chung mà mỗi người sống một nơi chỉ từ khi chị nộp đơn ly hôn anh T mới về sống chung nhà với chị nhưng việc ai người nấy làm cũng không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, anh T thống nhất trong quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn về kinh tế do công việc của anh không được thuận lợi nên vợ chồng mỗi người sống một nơi hơn 01 năm, hiện nay công việc cũng ổn định hơn nên anh sẽ cố gắng chăm lo gia đình nhiều hơn, hiện tại anh đã về nhà vợ sống, anh sẽ cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị D nhưng anh T không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm giữa anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T là có thật, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Trần Thị Bé D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi cháu Lê Hoàng Tuấn K, sinh ngày 22/9/2020 của chị D và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại cháu K mặc dù đang sống với chị D và anh T nhưng từ nhỏ cháu Khanh đều sống với chị D đã ổn định về chỗ ở, về tâm lí, về điều kiện sinh hoạt và học tập nên để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu K cần giao cháu K cho chị D nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị D và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Bé D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé D.

Về tình cảm: Chị Trần Thị Bé D được ly hôn với anh Lê Quốc T.

Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng Tuấn K, sinh ngày 22/9/2020 cho chị Trần Thị Bé D nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Lê Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Chị Trần Thị Bé D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009717 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, do vậy chị D đã nộp xong án phí.

Báo đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện G;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân